|  |  |
| --- | --- |
| Use case name | Đặt phòng |
| Description | Người dùng muốn thực hiện đặt phòng khách sạn |
| Actor(s) | Người dùng, Gmail, Twillio |
| Trigger | Người dùng thực hiện đặt phòng |
| Pre-Condition(s) | Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống |
| Post-Condition(s) | - Người dùng đặt phòng thành công  - Hệ thống lưu lại phiếu đặt phòng  - Hệ thống cập nhật tình trạng phòng |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập chức năng đặt phòng 2. Người dùng chọn phòng 3. Hệ thống Kiểm tra tình trạng phòng (trống) 4. Thanh toán 5. Hệ thống xác nhận thanh toán thành công và thực hiện lập phiếu đặt phòng 6. Hệ thống xuất phiếu đặt phòng và gửi mail về khách hàng qua Gmail |
| Alternative Flow | 2a. Người dùng tìm kiếm phòng sau đó mới chọn phòng  Use Case tiếp tục bước 3, 4, 5 và 6 |
| Exception Flow | 3a. Hệ thống kiểm tra thấy phòng đã có người sử dụng  Quay lại bước 2  4a. Hệ thống xác nhận thanh toán thất bại  Trở về bước 3 |

|  |  |
| --- | --- |
| Use case name | Lập phiếu thuê phòng |
| Description | Nhân viên muốn thực hiện lập phiếu thuê phòng |
| Actor(s) | Nhân viên |
| Trigger | Nhân viên thực hiện lập phiếu thuê phòng |
| Pre-Condition(s) | - Nhân viên phải đăng nhập vào hệ thống |
| Post-Condition(s) | - Hệ thống lưu phiếu thuê phòng  - Hệ thống cập nhật lại tình trạng phòng |
| Basic Flow | 1. Nhân viên truy cập chức năng lập phiếu thuê phòng 2. Nhân viên chọn phòng cho khách 3. Hệ thống kiểm tra tình trạng phòng (trống) 4. Nhân viên tiến hành thanh toán 5. Hệ thống xác nhận thanh toán thành công 6. Thực hiện lập phiếu thuê phòng 7. Hệ thống in ra phiếu thuê phòng |
| Alternative Flow | 2a. Nhân viên tìm kiếm phòng sau đó mới chọn phòng  Use Case tiếp tục bước 3, 4, 5, 6, 7  2b. Nhân viên tra cứu thông tin đặt phòng (Đúng)  Use Case bỏ qua bước 3, 4, 5 thực hiện tiếp tục bước 6, 7 |
| Exception Flow | 3a. Hệ thống kiểm tra thấy phòng đã có người sử dụng  Quay lại bước 2  5a. Hệ thống xác nhận thanh toán không thành công  Quay lại bước 4  2b1. Thông tin đặt phòng không chính xác  Quay lại bước 2b |

|  |  |
| --- | --- |
| Use case name | Thanh toán |
| Description | Khách hàng hoặc Nhân viên muốn thanh toán khi đặt phòng hoặc thuê phòng |
| Actor(s) | Nhân viên, Khách hàng, VNPAY, Paypal, Gmail |
| Trigger | Nhân viên hoặc Khách hàng chọn thanh toán |
| Pre-Condition(s) | - Nhân viên hoặc Khách hàng phải đăng nhập vào hệ thống |
| Post-Condition(s) | - Thanh toán thành công  - Hệ thống lưu hóa đơn vào hệ thống |
| Basic Flow | 1. Nhân viên hoặc khách hàng chọn thanh toán 2. Nhân viên hoặc khách hàng chọn thanh toán qua Banking 3. Hệ thống xác thực thanh toán thành công 4. Hệ thống xuất hóa đơn 5. Hệ thống thông báo cho khách hàng qua Gmail |
| Alternative Flow | 2a. Nhân viên hoặc khách hàng chọn thanh toán qua Papal  Tiếp tục bước 3, 4, 5  2b. Nhân viên hoặc khách hàng chọn thanh toán tiền mặt  Tiếp tục bước 3, 4, 5 |
| Exception Flow | 3a. Hệ thống xác thực thanh toán không thành công  Quay lại bước 2 |

|  |  |
| --- | --- |
| Use case name | Thống kê, báo cáo |
| Description | Quản trị viên muốn lập báo cáo doanh thu, lập báo cáo thống kê sử dụng phòng, xem báo cáo doanh thu, xem báo cáo thống kê sử dụng phòng |
| Actor(s) | Quản trị viên |
| Trigger | Quản trị viên chọn lập hoặc xem thống kê báo cáo |
| Pre-Condition(s) | - Quản trị viên phải đăng nhập vào hệ thống |
| Post-Condition(s) | - Hệ thống lưu báo cáo thống kê đã lập  - Xuất file PDF  - Xuất file Excel |
| Basic Flow | 1. Quản trị viên chọn lập báo cáo doanh thu 2. Quản trị viên chọn xuất file Excel |
| Alternative Flow | 2a. Quản trị viên chọn xuất file PDF |
| Exception Flow | 1a. Quản trị viên chọn lập báo cáo thống kê tần suất sử dụng phòng  Tiếp tục bước 2  1b. Quản trị viên chọn xem báo cáo doanh thu  Tiếp tục bước 2  1c. Quản trị viên chọn xem báo cáo thống kê tần xuất sử dụng phòng  Tiếp tục bước 2 |